

DUYÊN-SINH (1)  
(Tức: Phật Thuyết Đại-Thừa Đạo-Can Kinh)  
Việt Dịch HT.Tâm-Châu

---o0o---

**Nguồn**

***www.quangduc.com***

***Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009***

***Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com***

***Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>***

Mục Lục

Chính tôi được nghe: Một thời kia đức Thế-Tôn ở trong núi Kỳ-Xà-Quật thuộc thành Vương-Xá, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Đại Tỳ-Khưu và các vị Đại Bồ-Tát.

Bấy giờ, Cụ Thọ(2) Xá-Ly-Tử đến chốn kinh-hành (3) của Đại Bồ-Tát Di-Lặc. Đến nơi, hai vị cùng hỏi thăm nhau và cùng ngồi trên bàn đá rộng lớn. Liền đó, Cụ Thọ: Xá-Ly-Tử hướng vào Đại Bồ-Tát Di-Lặc nói rằng: "Bồ-Tát Di-Lặc! Hôm nay đức Thế-Tôn quán-sát thấy những lúa nếp nơi đồng nội, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: "Các vị Tỳ-Khưu Nếu ai thấy được Nhân-duyên, tức là người ấy thấy được Pháp; nếu ai thấy được Pháp, tức là người ấy thấy được Phật". Ngài nói những lời ấy rồi, Ngài lặng thinh không nói gì nữa. Bồ-Tát Di-Lặc! Đấng Thiện-Thệ(4) cơ sao lại nói ra những lời ấy? Việc ấy thế nào? - Gì là Nhân-duyên? - Gì là Pháp? - Gì là Phật? Thế nào là thấy được Nhân-duyên, tức là thấy được Pháp? - Thế nào là thấy được Pháp, tức là thấy được Phật?

Cụ Thọ Xá-Ly-Tử nói lời ấy rồi, Đại Bồ-Tát Di-Lặc đáp lại Cụ Thọ Xá-Ly-Tử rằng: "Nay Phật, Pháp-Vương, Chánh-Biến-Tri(5) bảo các vị Tỳ-Khưu: "Nếu ai thấy được Nhân-duyên, tức là người ấy thấy được Pháp; nếu ai thấy được Pháp tức là người ấy thấy được Phật", vậy trong này thời cái gì là Nhân-duyên? Nói là Nhân-duyên, thời: "đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh". Như: Vô-minh duyên cho Hành, Hành duyên cho Thức, Thức duyên cho Danh-sắc, Danh-sắc duyên cho Lục-nhập, Lục-nhập duyên cho Xúc, Xúc duyên cho Thọ, Thọ duyên cho Ái, Ái duyên cho Thủ, Thủ duyên cho Hữu, Hữu duyên cho Sinh, Sinh duyên cho Lão-tử, sầu, thán, khổ, ưu, não,

sinh-khởi được. Như thế, là chỉ sinh-khởi sự kết-tụ những khổ đau lớn-lao, thuần-nhất, cùng cực vậy.(6)

Cũng trong này, Vô-minh diệt nên Hành diệt, Hành diệt nên Thức diệt, Thức diệt nên Danh-sắc diệt, Danh-sắc diệt nên Lục-nhập diệt, Lục-nhập diệt nên Xúc diệt, Xúc diệt nên Thụ diệt, Thụ diệt nên Ái diệt, Ái diệt nên Thủ diệt, Thủ diệt nên Hữu diệt, Hữu diệt nên Sinh diệt, Sinh diệt nên Lão-tử, sầu, thán, khổ, ưu, não cũng diệt được. Như thế là chỉ diệt sự kết-tụ những khổ đau lớn-lao, thuần-nhất, cùng-cực là được(7). Đó là đức Thế-Tôn nói ra pháp Nhân-duyên vậy.

- Gì là Pháp? - Là tám Thánh-đạo: chính-kiến (thấy rõ lý chính-xác), chính-tư-duy (suy-nghĩ chân-chính), chính-ngữ (nói-năng chân-chính), chính-nghiệp (hành-động chân-chính), chính-mệnh (muru-sinh chân-chính), chính-tinh-tiền (cố-gắng trong chân-chính), chính-niệm (ghi nhớ rõ lẽ chân-chính), và chính-định (chú-định vào chính-lý, chính-đạo). Thế là tám Thánh-đạo-quả và Niết-Bàn, đức Thế-Tôn nói ra, gọi đây là Pháp.(8)

- Gì là Phật? - Là bậc biết hết thấy pháp, gọi là Phật. Tuệ-nhãn (con mắt trí-tuệ), Pháp- thân (pháp-tính-thân) của bậc kia trông thấy hết thấy pháp, tạo-tác nhân Bồ-Đề(9) và đạt tới địa-vị Học, Vô-học-pháp.)10)

- Thế nào là thấy được Nhân-duyên? - Như đức Phật nói: "Nếu ai thấy được những pháp của nhân-duyên là thấy được nhân-duyên. Những pháp ấy là: thường (thường còn không sinh-diệt), vô thọ (không còn có hình-sắc, thọ-mệnh liên-tục), ly thọ (xa lìa cả lời nói về thọ-mệnh vấn hay dài), như-thực-tính (tính thuộc chân-không, như thực), vô-thác-mậu-tính (tính chân-không, như thực, phổ-biến không chút sai-lầm thiên-lệch), vô-sinh (tính như thực nên không còn sinh-diệt), vô khởi (không phát-khởi), vô tác (không tạo-tác), vô vi (không tác-vi), vô-chướng-ngại (không còn bị ngăn-cản), vô-cảnh-giới (không còn chia ranh giới), tịch-tĩnh (thường hằng vắng-lặng), vô úy (không có sợ-hãi), vô xâm-đoạt (không bị xâm-đoạt) và bất tịch-tĩnh-tướng (không còn có cả hình tướng của tịch-tĩnh vắng-lặng).(11)

Nếu ai thấy được pháp của nhân-duyên như thế rồi, đối với Pháp ấy cũng phải thấy là: thường, vô thọ, ly thọ, như-thực-tính, vô thác-mậu-tính, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chướng-ngại, vô cảnh-giới, tịch-tĩnh, vô úy, vô xâm-đoạt, bất tịch-tĩnh-tướng(12). Được Chính-trí ngộ được Thắng-pháp, dùng Vô-thượng Pháp-thân mà thấy Phật.(13)

Hỏi: Tại sao gọi là Nhân-Duyên?

Đáp: Có Nhân, có Duyên gọi là Nhân-duyên, không phải là không có nhân, không có duyên, nên gọi là nhân-duyên-pháp. Đức Thế-Tôn nói qua về hành-tướng của nhân-duyên rằng: Do duyên kia sinh ra quả, nên dù Như-Lai xuất-hiện ra đời hay không xuất-hiện ra đời đi nữa, tính của mọi pháp (sự-vật) vẫn thường-trụ. Cho đến pháp-tính (nhân-duyên-tính), pháp-trụ-tính (tính trong pháp của nhân-duyên vẫn thường-trụ), pháp-định-tính (tính của mọi pháp quyết-định như thế), dữ nhân-duyên tương-ứng-tính (tính cùng nhân-duyên ứng-hợp nhau), chân như tính (tính của mọi pháp là như thực), vô-thác-mậu-tính (tính chân-như phổ-biến không sai-lầm, thiên-lệch), vô biến dị-tính (tính chân-như không thay đổi sai khác), chân-thực-tính (tính chân-thực), thực-tế-tính (tính thực-tế), bất hư-vọng-tính (tính không giả-dối), bất điên-đảo-tính (tính không xáo-lộn) v.v... Đó là đức Thế-Tôn nói những lời nói như thế.(14)

Nhân-duyên-pháp này, vì hai thứ mà nó sinh-khởi được. Hai thứ ấy là gì? - Là: Nhân-tương-ứng và Duyên-tương-ứng. Nhân-duyên kia lại có hai thứ: ngoại-nhân-duyên và nội- nhân-duyên.(15)

Trong này gì là ngoại-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng? - Từ hạt giống sinh ra mầm, từ mầm sinh ra lá, từ lá sinh ra thân cây, từ thân cây sinh ra đọt, từ đọt sinh ra nụ, từ nụ sinh ra hoa, từ hoa sinh ra trái; nếu không có hạt giống, mầm tức không sinh, cho đến nếu không có hoa, trái cũng không sinh được. Có hạt giống, mầm mới sinh được, như thế thời có hoa, trái cũng mới sinh được.(16)

Song, hạt giống kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta sinh ra mầm". Mầm cũng không khởi ra ý-niệm: "ta từ hạt giống sinh ra". Cho đến hoa cũng không khởi ra ý-niệm: "ta sinh ra trái". Trái cũng không khởi ra ý-niệm: "ta từ hoa sinh ra".(17)

Tuy thế, vì có hạt giống mà mầm được sinh ra và cũng như thế, vì có hoa mà trái liền được thành tựu.

Nên quán-sát cái nghĩa "ngoại nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng" như thế!

- Nên quán-sát ngoại-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng như thế nào? - Cần sáu giới (giới-phận) hòa-hợp. - Gì là sáu giới hòa-hợp? - Là: địa-giới (đất), thủy-giới (nước), hỏa-giới (lửa), phong-giới (gió), không-giới (không-

gian) và thời (thời-gian). Những giới-phận ấy hòa-hợp với nhau, thời ngoại-nhân-duyên-pháp sinh khởi được.

Nên quán-sát cái nghĩa "ngoại-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng" như thế!(18)

Nói về Địa-giới là thứ thường giữ gìn cho hạt giống; Thủy-giới là thứ thường nhuận-thấm cho hạt giống; Hỏa-giới là thứ thường giúp hơi ấm cho hạt giống; Phong-giới là thứ thường giúp sự dao-động cho hạt giống; Không-giới là thứ không làm chướng-ngại cho hạt giống; Thời, thời có thể làm cho hạt giống biến đổi. Nếu không có những duyên ấy, hạt giống không thể nào sinh ra mầm được.

Nếu ngoài, địa-giới hoàn-toàn đầy-đủ, cho đến thủy, hỏa, phong, không, thời-giới... cũng hoàn-toàn đầy-đủ như thế, lại hết thủy hòa-hợp, thời khi hạt giống diệt rồi, mầm sinh ra được.(19)

Và, trong này địa-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường giữ-gìn hạt giống". Cùng như thế, thủy-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường nhuận-thấm cho hạt giống"; hỏa-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường giúp hơi ấm cho hạt giống"; phong-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường giúp sự dao-động cho hạt giống"; không-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường không làm chướng-ngại cho hạt giống"; thời cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm cho hạt giống biến-đổi". Hạt giống cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường sinh ra mầm"; mầm cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay từ những duyên ấy mà sinh ra".(20)

Tuy thế, có những duyên ấy, khi hạt giống diệt rồi, mầm liền sinh ra được. Và, cũng như thế, khi có hoa, trái liền sinh ra được. Thế là, mầm kia cũng không phải tự mình tạo-tác, cũng không phải là cái khác tạo-tác, không phải tự nó (mầm) cùng cái khác tạo-tác, không phải là tự-tại tạo-tác, cũng không phải là thời biến-đổi, không phải là tự-tính sinh ra, cũng không phải là không có nhân mà sinh ra được. Dù vậy, địa, thủy, hỏa, phong, không, thời-giới... hòa-hợp, khi hạt giống diệt rồi, mầm được sinh ra.(21)

Nên quán-sát cái nghĩa "ngoại-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng" như thế!

Nên đem năm thứ quán-pháp, quán ngoại-nhân-duyên-pháp kia. Năm thứ ấy là gì? - Là: không thường còn (bất thường), không dứt đoạn (bất đoạn), không chuyển dời (bất di), từ nhân nhỏ sinh quả lớn và cùng tương-tự với nhân cũ kia.

Thế nào là không thường còn? - Vì, mầm cùng hạt giống, hai đàng đều khác biệt nhau; mầm kia không phải là hạt giống; không phải khi hạt giống hoại rồi, mầm mới sinh ra, cũng không phải là hạt giống không diệt, mà mầm sinh-khởi được; khi hạt giống hoại đi, mầm sinh ra được, nên là "không thường còn".

Thế nào là không dứt đoạn? - Không phải là hạt giống của quá-khứ hoại đi, mà sinh ra mầm, cùng không phải là hạt giống không diệt, mầm sinh-khởi được, hạt giống cũng hoại, đương trong khi ấy, nó chỉ như cán cân cao, thấp một chút, mà mầm sinh ra được, nên là "không dứt đoạn".

Thế nào là không chuyển dời? - Vì, mầm và hạt giống khác nhau, mầm không phải là hạt giống, nên là "không chuyển dời".

Thế nào là nhân nhỏ sinh quả lớn? - Từ hạt giống nhỏ, sinh ra quả lớn, nên gọi là "Từ nhân nhỏ, sinh ra quả lớn".

Thế nào là cùng tương-tự với nhân cũ kia? - Vì, như hạt giống khi mới trồng, sinh ra quả kia, nên gọi là "cùng tương-tự với nhân cũ kia".

Thế là đem năm thứ quán-pháp, quán ngoại-nhân-duyên-pháp!(22)

- Cũng như thế, nội-nhân-duyên-pháp cũng do hai thứ mà được sinh-khởi. Hai thứ ấy là gì? - Là: nhân-tương-ứng và duyên-tương-ứng.

- Thế nào mà có nghĩa gọi là nội-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng? - Nghĩa là, trước từ vô-minh duyên cho hành, cho đến sinh duyên cho lão-tử. Nếu vô-minh không sinh, hành cũng không có, cho đến nếu không có sinh, lão-tử cũng không có. Như thế, có vô-minh nên hành mới sinh ra được, cho đến có sinh nên lão-tử mới có được.(23)

Song, vô-minh cũng không khởi ra ý-niệm: "ta sinh ra hành"; hành cũng không khởi ra ý-niệm: "ta từ nơi vô-minh mà sinh ra"; cho đến sinh cũng không khởi ra ý-niệm: "ta sinh ra lão-tử"; lão-tử cũng không khởi ra ý-niệm: "ta từ nơi sinh mà có".(24)

Tuy thế, vì có vô-minh, hành mới sinh được; cũng như thế, vì có sinh, lão-tử mới có được.(25)

Vì vậy, nên quán-sát nghĩa "nội-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng" như thế!

- Nên quán-sát sự của nội-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng thế nào? - Cần sáu giới hòa-hợp. Sáu giới hòa-hợp là gì? - Là: địa-giới, thủy-giới, hỏa-giới, phong-giới, không-giới và thức-giới hòa-hợp.

Nên quán-sát sự của "nội-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng" như thế!(26)

- Gì là hành-tướng của sáu giới, trong nội-nhân-duyên-pháp? - Thứ làm cho trong thân này bền-chắc, gọi là "địa-giới"; thứ làm cho thân này tụ-tập lại, gọi là "thủy-giới"; thứ làm tiêu hóa những thức ăn, uống trong thân này, gọi là "hỏa-giới"; thứ làm cho hơi thở ra, vào trong, ngoài trong thân này, gọi là "phong-giới"; thứ làm cho thân này rộng thông, gọi là "không-giới" năm thức của thân tương-ứng (hợp nhau) cùng hữu-lậu ý-thức, cũng như bó cây lau, thành-tụ được cái mầm danh-sắc (tâm, thân) của thân này, gọi là "Thức-giới"(27). Nếu không có những duyên ấy, thời không sinh ra thân được. Nếu nội-địa-giới hoàn-toàn đầy đủ, và cũng như thế, cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức-giới cũng hoàn-toàn đầy đủ, lại hết thấy hòa-hợp với nhau, thời thân liền sinh ra được.(28)

Song, địa-giới kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm những sự bền chắc trong thân"; thủy-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường vì thân làm những sự tụ-tập"; hỏa-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm tiêu-hóa những thức ăn, uống trong thân"; phong-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm cho hơi thở ra, vào trong, ngoài thân"; không-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm những sự rộng thông trong thân"; thức-giới cũng không khởi ra ý-niệm: "ta thường làm thành-tụ cái mầm danh-sắc của thân này; thân cũng không khởi ra ý-niệm: "ta từ nơi mọi duyên này mà sinh ra". Tuy thế, có thời của các duyên này, thân liền sinh ra được. Nhưng, địa-giới kia cũng không phải là Ta, không phải là chúng sanh, không phải là mệnh-giả, không phải là sinh-giả, không phải là Nho-đồng, không phải là tác-giả, không phải là con trai, không phải là con gái, không phải giống Hoàng-môn, không phải tự-tại, không phải ngã-sở, cũng không phải là những thứ gì khác. Cho đến, thủy-giới, hỏa-giới, phong-giới, không-giới, thức-giới cũng không phải là Ta, không phải là chúng-sanh, không phải

là mệnh-giả, không phải là sinh-giả, không phải là Nho-đồng, không phải là tác-giả, không phải là con trai, không phải là con gái, không phải là giống Hoàng-môn, không phải tự-tại, không phải ngã-sở, cũng không phải là những thứ gì khác như thế.(29)

- Gì là Vô-minh? - Đối với sáu giới này khởi ra nhất-tướng (tướng là nhất thể), nhất-hợp-tướng (tướng là thực-thể do các pháp hợp-thành), thường-tướng (tướng là thường còn vĩnh-viễn), kiên-lao-tướng (tướng là bền chắc), bất-hoại-tướng (tướng là không hoại-diệt), an-lạc-tướng (tướng là được an-vui) tướng là chúng-sinh, mệnh, sinh-giả, dưỡng-dục, sĩ-phu, nhân (người), Nho-đồng, tác-giả, ngã, ngã sở v.v...(30) cùng nhiều thứ vô tri (không biết) khác, thế là "vô-minh".

Có vô-minh, đối với các cảnh-giới khởi ra: tham, sân, si; cái đối với cái cảnh-giới khởi ra: tham, sân, si ấy, ấy là vô-minh duyên cho hành; cái mà đối với mọi sự thường phân-biệt rõ-ràng, gọi là "thức"; cùng với thức đồng sinh bốn uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành), gọi là danh-sắc; y vào các căn của danh-sắc, gọi là lục-nhập; ba pháp hòa-hợp (căn, trần, thức) gọi là xúc; biết cảm-thụ sự xúc-chạm ấy, gọi là thụ; tham-đắm vào sự cảm-thụ ấy, gọi là ái; tăng-trưởng sự tham-ái ấy, gọi là thủ; từ chỗ chấp-thủ ấy sinh ra "năng-sinh-nghiệp" (chủ-động trong hành-động sinh danh-sắc khác), gọi là hữu; mà từ nhân kia (nghiệp) sinh ra năm uẩn (danh-sắc), gọi là sinh; sinh ra rồi năm uẩn thành-thục, gọi là lão (già); lão rồi năm uẩn diệt-hoại, gọi là tử (chết); trong khi sắp mất, nội-tâm đủ cả tham-đắm và nhiệt-não, gọi là sầu (buồn rầu); từ chỗ sầu bi ấy, sinh ra những lời nói, gọi là thân (than-thở); thân của năm thức chịu khổ, gọi là khổ; tác-ý (khởi ra ý-tướng); ý-thức chịu mọi sự khổ, gọi là ưu (lo); đủ những thứ trên như thế cùng những phiền-não tùy-thuộc, gọi là não.(31)

Đen tối nhiều nên gọi là vô-minh; tạo-tác, nên gọi là chư hành (mọi hành-động); phân-biệt rõ ràng, nên gọi là thức; nương-dựa nhau, nên gọi là danh-sắc; làm cửa sinh-khởi, nên gọi là lục-nhập; xúc-chạm nên gọi là xúc; cảm-thụ nên gọi là thụ; khát-khao nên gọi là ái; chấp lấy, nên gọi là thủ; sinh-khởi sự có thân sau này (hậu-hữu thân) nên gọi là hữu; sinh ra năm uẩn nên gọi là sinh; năm uẩn thành-thục nên gọi là lão; năm uẩn diệt-hoại, nên gọi là tử; buồn-rầu nên gọi là sầu; than-thở nên gọi là thân; não thân gọi là khổ; não tâm gọi là ưu; phiền-não nên gọi là não.(32)

Hơn nữa, không rõ chân-tính, điên-đảo không biết, gọi là "vô-minh". Vì có "vô-minh" như thế, thành ra ba thứ hành (hành-động): phúc-hành (làm

phúc), tội-hành (làm tội) và bất-động-hành (làm trong sự không dao-động)(33). Từ nơi phúc-hành (làm phúc) sinh ra phúc-hành-thức (nghệp-thức trong việc làm phúc), ấy là vô-minh duyên cho hành; từ nơi tội-hành (làm tội), sinh ra tội-hành-thức (nghệp-thức trong việc làm tội), ấy thời gọi là hành duyên cho thức; từ nơi bất-động-hành (làm trong sự không dao-động), sinh ra bất-động-hành-thức (nghệp-thức trong việc làm không dao-động), ấy thời gọi là thức duyên cho danh-sắc. Vì sắc tăng-trưởng, từ trong cửa lục-nhập thành sự việc, ấy là danh-sắc duyên cho lục-nhập. Từ lục-nhập mà sinh ra sáu thứ tụ-tập, xúc-chạm, ấy là lục-nhập duyên cho xúc. Từ nơi xúc-chạm mà sinh ra cái kia, cái kia cảm-thụ nhau, ấy thời gọi là xúc duyên cho thụ. Phân-biệt rõ-ràng sự cảm-thụ rồi, mà sinh ra nhiễm-ái, đam-chước, ấy thời gọi là thụ duyên cho ái. Biết rồi mà sinh nhiễm-ái, đam-chước, không muốn xa-lia sắc đẹp và ở nơi yên vui mà sinh ra ý-nguyện hoan-lạc, ấy là ái duyên cho thủ. Sinh ra ý-nguyện hoan-lạc rồi, từ nơi thân, miệng, ý tạo ra hậu-hữu-nghiệp (nghệp của sự có thân sau này), ấy là thủ duyên cho hữu. Từ nghiệp của hữu kia sẽ sinh ra năm uẩn, ấy là hữu duyên cho sinh. Sinh rồi, năm uẩn kia thành-thục và diệt-hoại, ấy thời gọi là sinh duyên cho lão-tử.(34)

Thế nên mười hai chi pháp nhân-duyên kia, làm nhân lẫn nhau, làm duyên lẫn nhau, không phải thường, không phải vô-thường, không phải hữu-vi (có sự tạo-tác), không phải vô-vi (không có sự tác-vi), không phải là không có nhân, không phải là không có duyên, không phải cảm-thụ "hữu-nghiệp", không phải là pháp (nhân-duyên) hết, không phải là pháp hoại, không phải là pháp diệt; từ vô-thỉ đến nay, nó vẫn như dòng nước chảy dốc, không có đoạn-tuyệt.(35)

Tuy thế, mười hai chi pháp nhân-duyên ấy, làm nhân lẫn nhau, làm duyên lẫn nhau, không phải thường, không phải vô-thường, không phải hữu-vi, không phải vô-vi, không phải là không có nhân, không phải là không có duyên, không phải cảm-thụ "hữu-nghiệp", không phải là pháp hết, không phải là pháp hoại, không phải là pháp diệt; từ vô-thỉ đến nay, nó vẫn như dòng nước chảy dốc, không có đoạn-tuyệt và nó có bốn chi thường nhiếp-thủ mười hai nhân-duyên-pháp. Bốn chi ấy là gì? - Là: vô-minh, ái, nghiệp, thức.

"Thức", lấy chủng-tử-tính làm nhân. "Nghiệp" lấy điền-tính(36) làm nhân. "Vô minh" và "ái" lấy phiền-não-tính làm nhân. Trong này, "nghiệp" và "phiền-não", sinh ra "thức" của chủng- tử (hạt giống). "Nghiệp" thời làm mảnh ruộng cho "thức" của chủng-tử, "ái" thời nhuần-thấm cho "thức" của



chủng-tử, "vô-minh" thời sinh nở cho "thức" của chủng-tử. Nếu không có những duyên ấy, "thức" của chủng-tử không thể thành được.(37)

Song, nghiệp kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm mảnh ruộng cho "thức" của chủng-tử; ái cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm nhuần-thấm cho "thức" của chủng-tử"; vô-minh cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm sinh-nở cho "thức" của chủng-tử"; "thức" của chủng-tử kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay từ mọi duyên ấy sinh ra".(38)

Tuy thế, "thức" của chủng-tử, y vào nơi ruộng nghiệp và ái kia nhuần-thấm, phần vô-minh sinh nở, vào trong thai mẹ sinh ra mầm danh-sắc(39). Mầm danh-sắc kia cũng không phải tự-tác (mình làm ra), cũng không phải tha-tác (cái khác làm ra), không phải mình và cái khác đều làm ra, không phải tự-tại hóa ra, cũng không phải thời biến; không phải tự-tính sinh, không phải là tác-giả tạm bợ (dã-tác-giả), cũng không phải là không có nhân mà sinh.(40)

Tuy thế, khi phụ mẫu hòa-hợp cùng khi các duyên khác hòa-hợp, pháp (nhân-duyên): vô-ngã (không có cái TA), vô-ngã, ngã-sở (không có cái TA, cái của TA), cũng như hư-không. Các huyễn-pháp kia, nhân và các duyên hoàn-toàn đầy đủ, y nơi sinh của nhân-duyên kia, vào trong thai mẹ, thời thành-tựu được cái "thức", giữ lấy thai mẹ, là cái mầm danh-sắc.(41)

Như khi sinh ra nhãn-thức, nếu đủ năm duyên thời sinh ra được. Năm duyên ấy là gì? - Là: y vào mắt (nhãn), hình-sắc (sắc), ánh-sáng (minh), không-gian (không) và y vào tác-ý (khởi ra ý-tưởng), nên nhãn-thức sinh ra được. Trong này, mắt thời làm nơi nương-tựa cho nhãn-thức, hình-sắc thời làm cảnh cho nhãn-thức, ánh-sáng thời làm việc hiển-hiện, không-gian thời làm việc không ngăn che, tác-ý thời làm việc tư-tưởng. Nếu không có các duyên ấy, nhãn-thức không sinh được. Nếu khi bên trong sự tiếp-nhập của mắt, hoàn-toàn đầy-đủ, cho đến hình-sắc, ánh-sáng, không-gian, tác-ý, cũng hoàn-toàn đầy đủ như thế, hết thảy hòa hợp, nhãn-thức sinh ra được.(42)

Song, mắt kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay là chỗ nương-tựa của nhãn-thức", hình-sắc cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm cảnh cho nhãn-thức"; ánh-sáng cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm việc hiển-hiện cho nhãn-thức"; không-gian cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm việc không ngăn-che cho nhãn-thức"; tác-ý cũng không khởi ra ý-niệm: "ta nay làm chỗ tư-tưởng cho nhãn-thức"; nhãn-thức kia cũng không khởi ra ý-niệm: "ta là từ các duyên ấy mà có". Tuy thế, có các duyên ấy nhãn-thức mới sinh ra được; cho đến các căn khác, tùy từng loại của nó sẽ biết được nó.(43)

Như thế, không có chút pháp (nhân, duyên) nào từ đời này di-chuyển đến đời khác; dù vậy, nhân và các duyên, được hoàn-toàn đầy-đủ, thời nghiệp-quả (kết-quả của nghiệp-thức) cũng hiện.(44)

Ví như trong tấm gương sáng hiện ra điện-tượng, tuy điện-tượng kia không rời gương, nhân và các duyên, được hoàn-toàn đầy đủ, nên điện-tượng cũng hiện. Như thế, không có chút gì từ nơi này diệt, sinh sang nơi khác, nhân và các duyên hoàn-toàn đầy-đủ, nên nghiệp-quả cũng hiện(45).

Ví như vàng trắng, vận-hành trên đây chừng bốn vạn hai nghìn do-tuần, thế mà hình tượng vàng trắng kia hiện trong cái bát nhỏ có nước, vậy vàng trắng kia cũng không phải từ nơi kia di-chuyển đến cái bát có nước này. Tuy thế, nhân và các duyên hoàn-toàn đầy-đủ, nên vàng trắng cũng hiện. Như thế, không có chút gì từ nơi này diệt, sinh sang nơi khác, mà nhân và các duyên hoàn-toàn đầy đủ, nên nghiệp-quả cũng hiện.(46)

Ví như lửa, nhân và các duyên nếu không đầy đủ, thời không cháy được, khi nhân và các duyên đầy đủ, mới có thể cháy được. Như thế, pháp vô-ngã, vô ngã ngã sở cũng như hư-không; y vào huyễn-pháp kia nhân và các duyên hoàn-toàn đầy-đủ, y nơi sở sinh, vào trong thai mẹ, thời thành-tựu được cái thức của chủng-tử, nghiệp và phiền-não sinh ra mầm danh-sắc.(47)

Vậy nên, cần quán-sát về sự: nội-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng" như thế!

Nên đem năm thứ quán-pháp, quán-sát nội-nhân-duyên-pháp. Năm thứ ấy là gì? - Là: không thường còn (bất thường), không dứt đoạn (bất đoạn), không chuyển dời (bất di), từ nhân nhỏ sinh quả lớn và cùng tương-tự với nhân cũ kia.

Thế nào là không thường còn? Nghĩa là năm uẩn tối-hậu của báo-thân kia diệt đi, cùng với năm uẩn đang chịu phần sinh ra kia, hai đàng đều khác nhau, vì năm uẩn tối-hậu diệt đi, không phải là năm uẩn đang chịu phần sinh ra; báo-thân tối-hậu kia diệt, năm uẩn cũng diệt, năm uẩn đang chịu phần sinh ra cũng hiện ra được nên gọi là "không thường còn".(48)

Thế nào là không dứt đoạn? - Không phải y vào khi diệt hoại của năm uẩn tối-hậu diệt, mà năm uẩn đang chịu phần sinh ra, có được; và cũng không phải là không diệt, báo-thân tối-hậu kia diệt, năm uẩn cũng diệt, đương trong

khi ấy, năm uẩn đang chịu phần sinh ra, nó chỉ như cán cân, cao, thấp một chút, mà sinh ra được, nên gọi là "không dứt đoạn.(49)

Thế nào là không chuyển đời? - Vì, các loài hữu-tình, từ nơi không phải là "chung-đồng-phận", sinh ra nơi "chung-đồng-phận", nên gọi là "không chuyển đời".(50)

Thế nào là từ nhân nhỏ, sinh quả lớn? - Làm nghiệp nhỏ, cảm quả dị-thực(51) lớn, nên từ nhân nhỏ mà sinh quả lớn.

- Như làm nhân kia, cảm được quả kia, cùng tương-tự với nhân kia, nên gọi là "tương-tự".

Bởi thế, nên đem năm thứ quán-pháp, quán-nhân-duyên-pháp!

Tôn-giả Xá-Ly-Tử! Nếu có người dùng chính trí, quán-sát những pháp của nhân-duyên, mà đức Như-Lai nói ra, như vô thọ, ly thọ, như-thực-tính, vô-thác-mâu-tính, vô-sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chương ngại, vô cảnh-giới, tịch-tĩnh, vô úy, vô xâm-đọa, vô tận, bất-tịch-tĩnh-tướng(52), bất-hữu (không có sự chân-thực), hư (dảo-dối), cuồng (lừa gạt không thực), vô kiên-thực (không bền, thực), như bệnh (như người đau), như ung (như người có nhọt), như tiền (như bị tên bắn), quá thất (lỗi-lầm), vô thường (không thường còn), khổ, không, vô ngã (không có TA), vậy: ta trong đời quá-khứ có sinh hay là không sinh, mà không phân-biệt được bờ cõi của thuở quá-khứ? Trong đời vị-lai sinh ở chốn nào, mà cũng không phân-biệt được bờ cõi của thuở vị-lai? Đây (hiện-tại) là gì? Đây lại là thế nào, mà làm ra vật gì? Các loài hữu-tình này từ đâu lại? Từ đây diệt đi sẽ sinh vào chốn nào? Mà cũng không phân-biệt được cái "có" của hiện-tại.)53)

Lại diệt những tà-kiến (tu-tướng lệch-lạc) bất đồng của hàng Sa-môn, Bà-la-môn(54) ở thế-gian, là ngã-kiến, chúng-sinh-kiến, thọ-giả-kiến, nhân-kiến, hy-hữu-kiến, cát-tường-kiến, khai-hợp-kiến. Biết được rành-rẽ, như cây Đa-la, đoạn trừ sạch mọi căn rồi, trong đời mai sau, chứng được pháp vô sinh, vô diệt.(55)

Tôn-giả Xá-Ly-Tử! Nếu có người đầy đủ được "vô sinh pháp-nhãn"(56) như thế, là người phân-biệt rõ ràng được nhân-duyên-pháp ấy, Như-Lai, Ứng-Cúng, Chính-Biến-Tri, Minh-Hành-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự-Trượng-Phu, Thiên-Nhân-Sư, Phật, Thế-Tôn(57), liền thụ-ký cho đạo-quả Vô-thượng Chính-đẳng Chính-giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-Tát Di-Lặc nói lời ấy rồi, Cụ Thọ Xá-Ly-Tử cùng hết thảy những người trong thế-gian, Thiên, Nhân, A-Tu-La, Càn-Thát-Bà v.v..., nghe Đại Bồ-Tát Di-Lặc nói pháp ấy, đều tín-thụ phụng-hành.

Chú thích:

(1) Xét trong Đại-Tạng Kinh, thời kinh này cùng một tỷ-dụ, cùng một chân-ngĩa mà có 5 bản dịch khác nhau: 1) Liễu bản sinh-tử kinh: số 708, do Cư-Sĩ Chi-Khiêm dịch. 2) Phật thuyết Đạo-Can kinh: số 709, mất tên người dịch, phụ vào Đông-Tấn-Lục. 3) Từ-Thị Bồ-Tát sở thuyết Đại-thừa Duyên-sinh Đạo-can dụ kinh: số 710, do Sa-Môn Bất-Không dịch. 4) Đại-thừa Xá-Lê-Sa-Đảm-Ma kinh: số 711, do Pháp-Sư: Thí-Hộ dịch. 5) Phật thuyết Đại-thừa Đạo-can kinh: số 712, mất tên người dịch. Kinh này thuyết-minh lý nhân-duyên-sinh trong 12 nhân-duyên. Để cho các hàng Phật-tử trông đề-mục kinh, đã biết được nội-dung của kinh bằng cách dễ-dàng, nên tạm mượn hai chữ "duyên-sinh", trong bản dịch thứ 3 (ghi trên) làm đề-kinh, còn toàn kinh dịch đúng bản "Phật thuyết Đại-thừa Đạo-can kinh". (Lời Dịch-giả).

- Đạo-Can kinh: tiếng Phạm (Ấn-độ) gọi là Xá-Lê-Sa-Đảm-Ma kinh (Salistambasutra). Đạo-Can nghĩa là lúa nếp. Đức Phật nhân trông thấy cánh đồng lúa nếp Ngài nói ra lý nhân-duyên-sinh này.

(2) Cụ Thọ: Tiếng gọi thông thường, chỉ cho những vị có đầy-đủ thọ-mệnh thế-gian và pháp-thân thọ-mệnh.

(3) Kinh-hành: Nơi đặc-biệt để sau khi ngồi Thiền, đi đi, lại lại nuôi dưỡng thân-thể và trừ khỏi bệnh-hoạn. Hoặc là nơi để đi đi, lại lại sau bữa ăn cho tiêu cơm.

(4) Thiện-Thệ: Tiếng Phạm gọi là Tu-già-đà (Sugata) có nghĩa là đi trong đường chính, đạt tới nơi tốt đẹp. Đấng Giác-ngộ dùng Nhất-thiết-trí làm xe, đi trên đường bát chính, rảo tới nơi Niết-bàn, nên gọi là Thiện-Thệ.

(5) Phật, Pháp-Vương, Chính-Biến-Tri: Phật (Buddha): Là bậc giác-ngộ hoàn toàn. Pháp-Vương: Phật đối với pháp (sự, vật) tự-tại, nên gọi là Pháp-Vương. Chính-Biến-Tri: Tiếng Phạm gọi là Tam-miệu tam Phật-Đà (Samya Ksambuddha) nghĩa là chính thực biết khắp hết thảy mọi pháp, nên gọi là "Chính-Biến-Tri".

(6) Trên đây Bồ-Tát Di-Lặc đáp câu hỏi của Cụ Thọ Xá-Ly-Tử về hai chữ Nhân-duyên. Nhân là nguyên-nhân, duyên là những cái giúp-đỡ (hoàn-cảnh) cho nguyên-nhân phát-sinh và đạt tới kết-quả: "Đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh", đó là nghĩa của nhân-duyên-sinh vậy. Chúng-sinh hay sự, vật có ra hình-sắc đều do sự tạo-tác tiếp nối của 12 nhân-duyên: 1) Vô-minh: Tức là si-mê, một trong 6 phiền-não căn-bản và có nghĩa là không hiểu rõ sự, lý của sự-vật luôn luôn vọng-chấp theo vọng-niệm phân-biệt. 2) Hành: Hành-động. Là chủ-động dẫn-dắt hành-nghiệp sinh-tử nghiệp-báo. Nghĩa là vì vô-minh nên phát-khởi ra những hành-động sai lầm. 3) Thức: Nghiệp-thức phân-biệt. Do sự si-mê và hành-động trên kết thành nghiệp-thức phân-biệt sai lầm. Vì phân-biệt nên chấp có Mình có Người có Năng (chủ-quan), có Sở (khách-quan) nên thành động-lực sinh-tử luân-chuyển. 4) Danh-sắc: Là tổng-báo-thân của sự vật. "Danh" là tên gọi của tâm hay là tinh-thần linh-hoạt: "Sắc" tức là hình-sắc do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) hòa hợp tạo thành. Đã có nghiệp-thức tất nhiên phải có sự kết thành hình-sắc, trong đó có sự linh hoạt để bảo vệ, sai sử hình-sắc ấy. 5) Lục Nhập: Có Danh-Sắc rồi dĩ nhiên là có 6 căn (6 quan-năng): mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp-nhập với 6 trần (cảnh vật): sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên gọi là "lục nhập". 6) Xúc: Có sự tiếp nhập rồi, hai đàng phải có sự xúc chạm với nhau, nên gọi là "xúc". 7) Thọ: Đã có sự xúc chạm là có sự cảm-thụ, lĩnh-thụ, nên gọi là "thụ". 8) Ái: Đã có sự cảm-thụ, lĩnh-thụ sẽ sinh ra yêu mến, nên gọi là "ái". 9) Thủ: Đã yêu mến nên cố tâm gìn giữ lấy, nên gọi là "thủ". 10) Hữu: Vì sự cố thủ ấy mà lại sẽ thành ra có cái thân hình lưu chuyển của sau này, nên gọi là "hữu". 11) Sinh: Đã có sự kết tinh của thân hình mai sau, đương nhiên sẽ sinh ra, nên gọi là "sinh". 12) Lão-Tử: Đã có thân hình sinh ra, theo sự biến-chuyển lại sẽ già (tàn lụi) và chết. Nhưng, trong khi ấy chịu đựng bao nỗi: buồn rầu, than thở, khổ đau, lo lắng, áo não, nên gọi là "lão-tử sầu, thán, khổ, ưu, não". Tóm lại, do 12 nhân-duyên này hỗ-tương tiếp nối, chỉ là phát-sinh ra sự kết-tụ khổ đau cùng cực vậy (cuối kinh có giải rộng).

(7) Trước đây đã nói về sự sinh khởi của nhân-duyên, nay đây nói về sự đoạn diệt nhân-duyên. Biết rằng có ra lão-tử là do duyên nơi: sinh, hữu, thủ, ái, thụ, xúc, lục-nhập, danh-sắc, thức, hành, vô-minh liên lạc, tiếp nối nhau sinh khởi, nay muốn đoạn diệt cần đoạn diệt vô-minh, thời các duyên kia đều diệt. Hết thấy đều diệt, thời sinh-tử, phiền-não diệt hẳn, nỗi khổ đau lớn lao, thuần nhất, cùng cực kia, biến thành cực-lạc thanh-tịnh.

(8) Tu tám Thánh-đạo tới chỗ cứu cánh là sẽ chứng được 4 quả của Thanh-Văn: Tu-Đà-Hoàn, Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm, A-La-Hán, và y vào quả-trí ấy,

giải-thoát được sinh-tử, nên gọi là Thánh-đạo-quả và Niết-bàn. Và, đức Phật nói ra những pháp ấy, đó là Phật pháp.

(9) Nhân Bò-Đề: Tức là nguyên-nhân để giác-ngộ, như thực-hành 8 Thánh-đạo, đoạn 12 nhân-duyên v.v...

(10) Học, Vô-Học: Người đạt chân-lý cứu cánh, vọng hoặc diệt hết, không còn tu, học, là "Vô-học". Người còn phải nghiên-cứu chân-lý để diệt hẳn vọng hoặc, là "Hữu-học". Ba quả trên của Tiểu-Thừa là "Hữu-học", A-La-Hán là "Vô-học". Thập địa Bồ-Tát của Đại-thừa là "Hữu-học", Phật là "Vô-học".

(11) Đây là hiển minh nghĩa tối thắng của pháp trong nhân-duyên.

(12) Trên kia đã từ 12 nhân-duyên quán-sát Nhân-Duyên, đoạn này từ nơi tám Thánh-đạo quán-sát Pháp. Quán-sát tính của nhân-duyên là Thường, Vô Thọ... nay quán-sát tính của Pháp cũng thế.

(13) Đây là quán-sát về Phật. Phật là bậc được trí-tuệ, hiểu biết hết thấy bằng các chính-xác (chính-trí). Đã có chính-trí, tất nhiên giác-ngộ hết thấy nghĩa tối-thắng của Pháp (ngộ được thắng-pháp). Ngộ được thắng-pháp tức là chứng-ngộ đệ-nhất nghĩa pháp-tính làm Vô-thượng pháp-thân của Phật, tức là thấy Phật. Nói cho dễ hiểu, muốn thấy Phật phải chứng được Chính-trí, có Chính-trí mới hiểu được bản-thể của sự-vật (pháp), hiểu được bản-thể sự-vật gọi là Pháp-tính, là Pháp-thân Phật, là thấy Phật.

Xét chung lại: muốn thấy được Nhân-Duyên phải quán-sát được những Pháp trong nhân-duyên; muốn thấy được Pháp, phải quán-sát được bản-thể của các pháp và muốn thấy được Phật, phải có chính-trí, chứng-ngộ bản-thể tối-thắng của các pháp, tức là Pháp-tính, thành Pháp-thân-Phật.

(14) Đây nói: có nhân là có duyên, không có nhân là không có duyên. Có cái này là có cái kia như thế, tức là bản-thể (tính) của sự-vật (pháp) như thế. Đã như thế, là thường hằng, không biến-đổi, sai-khác... thời dù Phật ra đời hay không ra đời nói pháp, sự-vật (pháp) vẫn như thế, nghĩa là Nhân thì Duyên.

(15) Đây nói: Mặc dầu nhân-duyên-pháp là lẽ thường hằng như thế, nhưng đứng trên phương-diện tạo-thành và liên-tục, nhân-duyên phải hợp với nhau (tương-ứng) mới được. Sự tương-ứng này có hai 1/ Nhân-tương-ứng: nhân hợp nhau với duyên mới thành 2/ Duyên-tương-ứng: duyên hợp nhau với

nhân mới được. Trong Nhân và Duyên Tương-Ứng này phân-tích ra sẽ thành 4 loại: 1/ Ngoại Nhân-Duyên-Pháp, Nhân-Tương-Ứng: Nhân-tương-ứng, hợp với những pháp thuộc nhân-duyên ngoại-phụ. 2/ Ngoại-Nhân-Duyên-Pháp, Duyên-Tương-Ứng: Duyên-tương-ứng, hợp với những pháp thuộc nhân-duyên ngoại-phụ. 3/ Nội-Nhân-Duyên-Pháp, Nhân-Tương-Ứng: Nhân-tương-ứng, hợp với những pháp thuộc nhân-duyên nội-chính. 4/ Nội-Nhân-Duyên-Pháp, Duyên Tương-Ứng: Duyên-tương-ứng hợp với những pháp thuộc nhân-duyên nội-chính. Và trong 4 loại này, mỗi loại đều chia làm hai phần: phần công nhận có sự tạo-thành nhân và phần phủ-nhận, vì mỗi pháp, không có tự-thể.

(16) Đây nói về phần tạo-thành nhân của ngoại-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng.

(17) Đây nói về phần không có tự-thể của ngoại-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng.

(18) Trên đây là quán-sát chung về 6 giới, tức là ngoại-nhân-duyên-pháp, duyên-tương-ứng. Sau sẽ quán-sát riêng từng giới một.

(19) Đây nói về sự tạo thành của 6 giới.

(20) Đây nói về phần không có tự-thể của 6 giới.

(21) Đây nói về sự viên-dung.

(22) Để ngăn-ngừa những ác-kiến mê-làm, ngoài sự quán-sát nội, ngoại-nhân-duyên tương-ứng trên kia, cần quán-sát thêm 5 thứ quán-sát này.

(23) Đây nói về phần tạc-thành nhân của nội-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng.

(24) Đây nói về phần không có tự-thể của nội-nhân-duyên-pháp, nhân-tương-ứng.

(25) Ý nói về sự viên-dung.

(26) Trên đây là quán-sát chung về 6 giới. Sau đây quán-sát riêng từng giới một.

(27) Thức: là do 5 thức: nhãn-thức (mắt), nhĩ-thức (tai), ty-thức (mũi), thiệt-thức (lưỡi), thân-thức (thân-thể) hợp nhau cùng với ý-thức thứ 6 mà thành ra Danh (tâm) Sắc (hình-sắc: thân): "Thức" có nghĩa là phân-biệt rành-rẽ. Do phân-biệt tạo nghiệp phải lưu-chuyển sinh-tử, nên gọi là "Hữu-lậu ý-thức".

(28) Đây nói về phần tạo-thành nhân của 6 giới.

(29) Đây nói về phần không có tự-thể của 6 giới, vì chính nó không phải là: TA (thực-thể thường hằng, bất biến), Chúng-Sanh (sinh-loại qua nhiều sinh-tử). Mệnh-Giả (người tạo ra thân-mệnh), Sinh-Giả (người sinh-thành ra), Nho-Đồng (tức là tạo-vật chủ-tể, Nho-đồng như chữ "Hóa-nhi", ta thường gọi), Tác-Giả (người tạo-tác ra), Con Trai (đàn ông), Con Gái (đàn bà). Hoàng-Môn (người không phải đàn ông, không phải đàn bà). Tự-Tại (tự-do không bó buộc). Ngã-Sở (cái của ta).

(30) Nghĩa như trang 23 đã giải.

(31) Đoạn văn trên đây biện-minh về thể-tướng.

(32) Trên đây là giải-thích về danh-nghĩa.

(33) Bất-Động-Hành: Là sự hành-động trong Thiên-định của cõi Sắc và Vô-sắc. Và còn có nghĩa là hành-động trong sự im-lặng, không dao-động.

(34) Biện-minh sự tương-tục của 12 nhân-duyên.

(35) Trên đây nói về nhân-duyên là hỗ-tương và tương-tục, chứ không phải nhất-định là nhân hay nhất định là duyên, không phải định thường và không phải diệt hẳn, mà nó cứ thế làm nhân-duyên cho nhau, truyền tiếp mãi mãi.

(36) Điện-Tính: Nghiệp như mảnh ruộng, tạo-tác ra các chủng-tử (hạt giống).

(37) Đây giải-thích về tác-dụng của: vô-minh, ái, nghiệp, thức.

(38) Đây nói về phần không có tự-thể của bốn chi.

(39) Đây nói về duyên-vô-tác.

(40) Đây nói về quả-vô-tác.



(41) Nói tổng-quát tuy là không có tự-thể, không tạo-tác, nhưng hạt giống của thức, y vào ruộng nghiệp, được nước tham-ái, phần vô-minh tâm-nhuận, sinh nở, nhân-duyên hòa-hợp, vào trong thai mẹ, kết thành hình-thể (mầm danh-sắc) và hình-thể ấy có ra sáu căn để tiếp nhập với sáu trần (lục-nhập) thành thân-tâm người thật sự.

(42) Đây thuộc về hiện-nghiệp, nhưng nói về sự tạo thành của nhãn-thức.

(43) Đây nói về phần không tự-thể và nghĩa viên-dung của năm duyên.

(44) Đây nói mặc dù không có tự-thể, nhưng nhân-duyên đầy-đủ, quả-báo cũng hiện.

(45) Đây là ví-dụ về sinh-nghiệp.

(46) Đây là ví-dụ về hậu-nghiệp.

(47) Đây là ví-dụ về bất-động-nghiệp.

(48) Đây nói: Cái thân do nghiệp-báo mà có này (báo-thân) gồm năm uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Báo-thân này đến khi mất đi, thời năm uẩn ấy cũng không còn. Đã không còn trong báo-thân trước, mà báo-thân sau có năm uẩn trong đó, sẽ không giống với báo-thân và năm uẩn trước. Nói rõ hơn, thân-tâm (danh-sắc) trước không giống với thân-tâm sau, gọi là "không thường còn".

(49) Đây nói: Tuy rằng báo-thân và năm uẩn trước diệt, nhưng không phải không có sự liên-lạc gì với báo-thân và 5 uẩn sau. Nó có sự liên-lạc với nhau trong khoảng thời-gian tích-tắc, như cán cân hơi cao, thấp một chút mà thôi, nên gọi là: không đứt đoạn". Nghĩa là vẫn có sự liên-lạc với nhau từng tích tắc, không đứt đoạn hẳn.

(50) Chúng-Động-Phận: Nghĩa là chúng-sinh (động-vật) đồng có cái nhân quả-báo tương-tự nhau. Đây nói báo-thân của loài động-vật sinh trong đời sau này, không phải là báo-thân của đời trước chuyển đời đến, vì, báo-thân đời trước diệt trong đời trước rồi, nên gọi là "không chuyển-dời".

(51) Đây nói: Nghiệp-nhân nhỏ, mà đến một thời khác nghiệp-nhân ấy thành-thực đạt tới kết-quả lại lớn hơn nhân trước, gọi là "cảm quả dị-thực

lớn". Tỷ-dụ: một hạt cam trồng thành cây cam, khi cam có quả thành nhiều, chứ không phải có một hạt cam như trước.

(52) Xem trang 11 đã giải.

(53) Đây nói nên trừ bỏ sự mê-làm trong ba đời: quá-khứ, hiện-tại, vị-lai. Vì, nhân trong ba đời chỉ là giả-định, không có tự-thể: nhân-duyên-quá-khứ hòa-hợp thời thành quá-khứ, nhân-duyên vị-lai hòa-hợp thời thành vị-lai, nhân-duyên hiện-tại hòa-hợp thời thành hiện-tại. Quá-khứ giả-định và vô cùng, mê chi mà đi tìm về sự có sinh hay không sinh! Vị-lai cũng giả-định và vô-tận, mê chi mà đi tìm xem sinh ở chốn nào! Hiện-tượng (cái có) của hiện-tại phân-tích đến cực-đề vô cùng, mê chi mà đi tìm-tòi!

(54) Sa-Môn, Bà-La-Môn: Sa-Môn đây không hẳn là chỉ cho các đệ-tử Phật đi xuất-gia, mà là danh-từ gọi chung cho những người tu-hành. Bà-la-môn là một giai-cấp trí-thức tối-cao của nước Ấn-Độ xưa, quản-chương về lễ-nghi, văn-hóa.

(55) Những Tà-Kiến: 1/ Ngã-kiến: Tư-tưởng chấp cái thân do năm uẩn giả-hợp là cái TA có thực. 2/ Chúng-sinh-kiến: Tư-tưởng cố chấp chúng-sinh là có thực. 3/ Thọ-giả-kiến: Tư-tưởng cho thọ-mệnh của cái Ta này chỉ có một thời hạn là hết. 4/ Nhân-kiến: Tư-tưởng chấp có ta và người. 5/ Hy-hữu-kiến: Tư-tưởng kỳ-quái hiểm có. 6/ Cát-tường-kiến: Tư-tưởng xem về ngày, giờ tốt, xấu... 7/ Khai-hợp-kiến: Tư-tưởng khi có, khi không, hoặc nhiều, hoặc ít.

Đây nói: nên trừ bỏ hết các tà-kiến, như cây Đa-la đã dẫn gốc rồi không còn mọc chồi lên nữa. Và, nếu trừ bỏ được thể, mai sau sẽ chứng được pháp không sinh, diệt.

(56) Vô Sinh Pháp Nhân: Chân-như thực-tướng lý-thể, xa lìa sự sinh, diệt vậy. Chân-trí an-trụ nơi lý-thể ấy mà không động, là "vô sinh pháp nhân". Nói rõ hơn, chứng được pháp không sinh, diệt rồi, không tạo-tác, không sinh khởi ra các nghiệp-hành nữa.

(57) Xem kinh Quán-Âm thụ-ký đã giải rõ.

Hết